BỆNH VIỆN MẮT - TAI MŨI HỌNG - RĂNG HÀM MẶT AN GIANG
KHOA DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG GIÁ THUỐC KHOA DƯỢC
THÁNG 5/2026

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	Tuýp	52,300
2	Lignospan Standard	Lidocain hydroclorid + Epinephrin (Adrenalin) tartrat	Ống	15,484
3	Combigan	Brimonidin tartrat + timolol	Lọ	183,514
4	Lucentis	Ranibizumab	Lọ	13,125,022
5	Ceftazidime 1000	Ceftazidim	Lọ	14,763
6	Crutit	Clarithromycin	Viên	8,300
7	Raxadin	Imipenem (dưới dạng Imipenem monohydrat) + Cilastatin (dưới	Lọ	61,150
8	Medoxasol 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat)	Viên	7,266
9	Meloxicam-Teva 7.5mg	Meloxicam	Viên	788
10	Curam 1000mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	Viên	5,946
11	Cepmox-Clav 875 mg/125 mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat compacted); Acid Clavulanic (dưới dạng kali Clavulanat - Avicel (1:1))	Viên	5,250
12	Tenamyd-Cefotaxime 1000	Cefotaxim (dưới dạng Cefotaxim natri)	Lọ	11,361
13	Tenamyd-Ceftazidime 1000	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Lọ	19,488
14	Clarithromycin Stella 500 mg	Clarithromycin	Viên	3,741
15	Ozanier 500mg	Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat 512mg)	Viên	1,000
16	Merovia	Meropenem	Lọ	57,750
17	Mikrobiel 400mg/250ml	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin Hydrochlorid)	Chai	147,000

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
18	Haxium 40	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol pellets 22,5% (vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazol magnesi trihydrat)	Viên	840
19	Medoclav 1g	Amoxicilin + Acid Clavulanic	Viên	6,800
20	Tenamyd-ceftazidime 1000	Ceftazidim	Lọ	21,525
21	Poltraxon	Ceftriaxon	Lọ	14,091
22	Negacef 250	Cefuroxim	Viên	2,990
23	Coxnis	Meloxicam	Viên	176
24	Cerahead	Piracetam	Viên	669
25	Pred Forte	Prednisolon acetat	Chai	36,300
26	MESECA	Fluticason propionat	Lọ	96,000
27	Nước cất ống nhựa	Nước cất pha tiêm	Ống	350
28	ACID AMIN 5%	Acid amin*	Chai	53,000
29	Glucose 30%	Glucose	Chai	10,878
30	Glucose 5%	Glucose	Chai	7,035
31	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Chai	1,320
32	Sodium Chloride	Natri clorid	Chai	19,500
33	Acetate Ringer's Otsuka	Ringer acetat	Chai	16,000
34	Kali Clorid	Kali clorid	Viên	700
35	Daleston-D	Betamethasone + dexchlorpheniramin	Chai	31,500
36	Dexamethasone	Dexamethason	Ống	714
37	Vinphason	Hydrocortison	Lọ	5,900
38	Creao Inj.	Methyl prednisolon	Lọ	29,988
39	Methyl prednisolon 16	Methyl prednisolon	Viên	802
40	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	Ống	18,900

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
41	AGI-CALCI	Calci carbonat + vitamin D3	Viên	1,422
42	AGIRENYL	Vitamin A	Viên	225
43	Neubatel	Gabapentin	Viên	885
44	Clorpheniramin	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	Viên	41
45	Aerius	Desloratadin	Chai	78,900
46	Deslora	Desloratadin	Viên	1,575
47	BASTINFAST 20	Ebastin	Viên	3,050
48	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Ống	1,285
49	Danapha-Telfadin 180	Fexofenadin	Viên	4,150
50	Fegra 120mg	Fexofenadin	Viên	3,500
51	Telfor 60	Fexofenadin	Viên	744
52	Ketotifen Helcor 1mg	Ketotifen	Viên	5,400
53	Clanoz	Loratadin	Viên	284
54	Lorastad 10 Tab.	Loratadin	Viên	850
55	PIPOLPHEN	Promethazin hydroclorid	Ống	15,000
56	Klamentin 500/62.5	Amoxicilin + acid clavulanic	Gói	3,426
57	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	Viên	8,100
58	Ceplorvpc 500	Cefaclor	Viên	8,100
59	METINY	Cefaclor	Viên	9,900
60	Cefixime 200mg	Cefixim	Viên	5,920
61	Ceraapix	Cefoperazon	Lọ	46,000
62	Cefuroxime 125mg	Cefuroxim	Gói	1,617
63	Cetraxal	Ciprofloxacin	Ống	8,600
64	AGICLARI 500	Clarithromycin	Viên	1,890

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
65	Cravit 1.5%	Levofloxacin	Lọ	115,999
66	Letdion	Levofloxacin	Lọ	84,000
67	Metronidazol	Metronidazol	Viên	132
68	MEPOLY	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Lọ	37,000
69	Oflovid Ophthalmic Ointment	Ofloxacin	Tuýp	74,530
70	Ofloxacin-POS 3mg/ml	Ofloxacin	Lọ	52,900
71	ROVAGI 1,5	Spiramycin	Viên	1,365
72	ROVAGI 3	Spiramycin	Viên	3,100
73	Daphazyl	Spiramycin + metronidazol	Viên	1,495
74	Domreme	Domperidon	Viên	1,000
75	Medskin Clovir 800	Aciclovir	Viên	3,200
76	Glyceryl Trinitrate - Hameln 1mg/ml	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Ống	80,283
77	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Naloxon hydroclorid	Ống	43,995
78	VIFAREN	Diclofenac	Viên	84
79	ETODAGIM	Etodolac	Viên	1,050
80	Loxoprofen 60mg	Loxoprofen	Viên	437
81	Hapacol 325	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	190
82	PARA- OPC 150mg	Paracetamol (acetaminophen)	Gói	735
83	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol (acetaminophen)	Túi	9,400
84	Partamol Tab.	Paracetamol (acetaminophen)	Viên	480
85	Lidocain hydroclorid 40mg/2ml	Lidocain hydroclodrid	Ống	378
86	LIDOCAIN	Lidocain hydroclodrid;	Lọ	159,000
87	Alcaine 0.5%	Proparacain hydroclorid	Lọ	39,380
88	Seaoflura	Sevofluran	ml	6,153

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
89	Kagasdine	Omeprazol	Viên	130
90	Suopinchon Injection	Furosemid	Ống	4,200
91	Cồn Boric 3%	Cồn boric	Chai	6,300
92	Otipax	Phenazon + lidocain hydroclorid	Lọ	54,000
93	Haemostop 250mg/5ml	Tranexamic acid	Ống	6,445
94	Zentanil 500mg/5ml	Acetyl leucin	Lọ	12,000
95	POVIDONE	Povidon iodin	Chai	7,750
96	ALCOOL 70º		Chai	30,975
97	ACETAZOLAMID	Acetazolamid	Viên	974
98	Restasis	Cyclosporin	Ống	17,906
99	Indocollyre	Indomethacin	Lọ	68,000
100	Refresh Tears	Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	Lọ	64,101
101	Optive	Natri carboxymethylcellulose + glycerin	Lọ	82,849
102	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	Lọ	6,153
103	Diquas	Natri diquafosol	Lọ	129,657
104	Sanlein 0.3	Natri hyaluronat	Lọ	126,000
105	Pataday	Olopatadin hydroclorid	Chai	131,099
106	Systane Ultra	Polyethylen glycol + propylen glycol	Lọ	60,100
107	TETRACAIN 0,5%	Tetracain	Chai	15,015
108	Mydrin-P	Tropicamide + phenylephrine hydroclorid	Lọ	67,500
109	Digoxin/Anfarm	Digoxin	Ống	24,500
110	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml Injection	Dobutamin	Ống	79,800
111	Kavasdin 5	Amlodipin	Viên	98
112	Nifedipin T20 retard	Nifedipin	Viên	540

TT	TÊN THUỐC	HOẠT CHẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
113	Cinnarizine Sopharma 25mg	Cinnarizin	Viên	693
114	Thuốc tiêm Fentanyl citrate	Fentanyl	Ống	11,290
115	Naphazolin 0,05% Danapha	Naphazolin	Lọ	2,625

An Giang, ngày 07 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

DSCKI. Phan Thanh Bình